TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2024/DS-ST
Ngày: 17-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Tư;

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim P, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Anh D, sinh năm 1959; thường trú tại: Số H Đường số A, cư xá Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 24-4-2024. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn P1, sinh năm 1971; (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Kim P và người đại diện theo ủy quyền cùng trình bày: Trước đây, chị P có tham gia chơi dây hụi do vợ chồng ông Trần Văn P1 và bà Nguyễn

Thị T làm đầu thảo, cụ thể như sau: Dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 25-02-2022 âm lịch, mỗi tháng khui 01 lần, gồm có 22 phần, chị P tham gia 01 phần ghi tên là "Bé 2", mức đóng hụi sống cao nhất là 4.100.000 đồng (Dằn nền 900.000 đồng), tiền hoa hồng phải trả cho chủ hụi là 2.500.000 đồng/phần hụi, chị đóng được 12 kỳ thì bị đơn tuyên bố ngưng hụi. Dây hụi này hiện đã mãn nhưng ông P1, bà T không trả tiền hụi chết cho chị. Do đó, nay chị P yêu cầu ông P1, bà T phải trả cho chị số tiền mà chị được lĩnh hụi 12 kỳ, tương đương số tiền 60.000.000 đồng.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn P1: Đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao tài liệu chứng cứ kèm theo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện đã trả tiền hụi cho chị P, vắng mặt không có lý do tại các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Kim P và người đại diện theo ủy quyền của chị P là ông Trần Anh D yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn P1, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền nợ hụi là 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Kim P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn P1 phải trả số tiền nợ hụi, nên căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"*. Bị đơn, bà T, ông P1 cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn P1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông P1.

[3] Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy có nhận được văn bản bản ghi tên Nguyễn Thị T đề ngày 23-5-2024, nội dung văn bản thừa nhận chị P có tham gia chơi hụi do bà T làm đầu thảo nhưng cho rằng sau khi bể hụi đã tổ chức bốc thăm, bà T có giao tiền cho các hụi viên chỉ còn thiếu lại một ít. Tuy nhiên, văn bản này không có chữ ký của bà T nên không thể xác định được đây có phải là ý chí của bà T hay không. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao tài liệu chứng cứ của các nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện; giấy triệu tập dự phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T, ông P1 vắng mặt không có lý do và không cung cấp hoặc

yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để chứng cứ chứng minh ông, bà đã giao tiền hụi cho chị P là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị P, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị P, tên thường gọi là "Bé 2" có tham gia chơi 01 phần hụi của dây hụi 5.000.000 đồng theo danh sách hụi do chị P cung cấp, hụi khui ngày 25-02-2022, chị P đóng được 12 kỳ thì bị đơn tuyên bố ngưng hụi nên chị P yêu cầu ông P1, bà T phải trả cho chị số tiền 60.000.000 đồng. Sự việc chị P tham gia chơi hụi của bà T, ông P1 được một số hụi viên chơi cùng xác nhận là có, hiện bà T, ông P1 không chỉ nợ tiền hụi của chị P mà còn nợ tiền hụi của nhiều người khác. Như đã nhận định ở phần trên, mặc dù bà T, ông P1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu của người khởi kiện nhưng vắng mặt không có lý do tại các phiên họp và phiên tòa, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền hụi cho chị P là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc này. Dây hụi mà nay chị P khởi kiện yêu cầu bà T, ông P1 trả tiền đều là hụi có lãi, các bên đã có thỏa thuận lãi suất, chị P thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên nhưng đến khi mãn hụi bà T, ông P1 không giao tiền hụi là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của chị P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim P. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn P1 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Kim P số tiền nợ hụi 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Trần Văn P1 phải chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

- Chị Nguyễn Kim P được nhận lại 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002530 ngày 04-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự hoặc người đại diện theo ủy quyền của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực